Có 3 cách áp dụng CSS trong HTML: inline, internal and external

Inline vd:<p style=”color: red”> text</p>

Internal nằm trong file html xác định kiểu cho trang.vd:

<!DOCTYPE html>

<html>

<head>

<title>CSS Example</title>

**<style>**

**p {**

**color: red;**

**}**

**a {**

**color: blue;**

**}**

**</style>**

...

External file css nằm bên ngoài

vd:

<link rel=”styleesheet” href=”file. css”>

Css units:

Absolute units: (không thay đổi kích thước)px,pt,cm,...

Relative units:thay đổi khi kích thước của thứ phụ thuộc thay đổi:%,rem phụ thuộc vào thẻ html,em phụ thuộc vào thẻ gần nó chứa front-size

1. Front-family:”time new roman”:xác định phong chữ tmes new roman, arial,..
2. Front-size: kích cỡ chữ
3. Front-weight: độ dày chữ
4. Front-style: italic(in nghiêng)

text-decoration:

* Text-decoration: underline:gạch dưới
* text-decoration= overline:gạch trên
* text-decoration: line-throug:gạch ngang chữ

text-transform:

* + text-transform: capitalize :chữ cái đầu tiên là chữ hoa
  + text-transform: uppercase: mọi chữ là chữ hoa
  + text-transform: lowercase :chữ thường
  + text-transform: none

text-spacing:

* + letter-spacing & word-spacing:khoảng cách
  + line-height:chiều cao dòng
  + text-align:căn chỉnh văn bản
  + text-indent:thụt lề văn bản

margin: là không gian bên ngoài cùng. Không làm element dày lên

padding: là lớp đệm thêm vào.co 4 loại padding: padding-top, right, left, bottom

border:lớp viền. Boder-width, border-style, border-color,..

CSS selector:

Id: khi truy cập đến id dung #

Class: dung dấu .

Specificity:

1. inline
2. #id
3. .class
4. Tag
5. Equal spesificity
6. Universal selector and inherited

Background-image:url(link). Bỏ đi sự lặp lại ảnh background-repeat:no-repeat. Chỉnh kích thước:background-size:...

shorthand: viết gọn lại những thuộc tính vd:Background: url(link) no-repeat center / contain;

pseudo-classes(lớp giả) cú pháp

:tenlopgia

:root lớp giả bao trùm tài liệu

:hover được kích hoạt khi di chuột lên

:active được kích hoạt khi nhấn chuột

:first-child: lấy ra đối tượng đầu tiên

:last-child:lấy ra đối tượng cuối cùng

box-sizing: border-box

giúp cho kích border không thay đổi khi edit

<div *class*="parent">

            <div *class*="a-child a-child-d">

                <div *class*="n-child">AAA</div>

            </div>

        </div>

        <div *class*="a-child">

            <div *class*="n-child">AAA</div>

        </div>

style>

*.parent* *.a-child.a-child-d* *.n-child*{

                background-color: red;

                width: 20px;

                height: 20px;

            }

        </style>

Thì chỉ có lớp trên bị ảnh hưởng( a-child a-child-d)

Các lớp cách nhau một dấu cách. Nhưng TH class=”a-child a-child-d” thì khi gọi không có dấu cách

Clear:

* none: cho phép phần tử chịu sự ảnh hưởng của thuộc tính float
* left: không bị ảnh hưởng bởi thuộc tính float left
* right: không bị ảnh hưởng bởi thuộc tính float right
* both: không bị ảnh hưởng bởi thuộc tính float
* inherit: kế thừa giá trị thuộc tính clear của phần tử chứa nó

xóa đè background trên float:

   overflow: auto;

Cursor css: tăng tính thẩm mĩ tương tác ( pointer,...)

Calc():tính toán

Transform.